TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 17 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 501/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Tăng Thị N, sinh năm 1988.

2. Anh Vũ Hữu Đ, sinh năm 1986.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã T thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Cùng nơi ở: Số nhà 43 T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh Đ đăng ký kết hôn ngày 01/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị N và anh Đ đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Tại biên bản hòa giải ngày 09/01/2020 Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N và anh Đvẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị N và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện. ChịN , anh Đ đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với

nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị N và anh Đ theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Chị N và anh Đ có 02 con chung là Vũ Thị H, sinh ngày 02/11/2009 và Vũ Hoàng Mai P, sinh ngày 30/12/2014. Chị N và anh Đ thỏa thuận: Khi ly hôn chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Vũ Thị H, sinh ngày 02/11/2009 và Vũ Hoàng Mai P, sinh ngày 30/12/2014.Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, thỏa thuận của chị N và anh Đ không trái quy định pháp luật, cháu H trình bày có nguyện vọng được ở với chị N sau khi bố mẹ cháu ly hôn. Do đó Tòa án cần công nhận thỏa thuận của chị N, anh Đ về việc nuôi con chung: Chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Vũ Thị H, sinh ngày 02/11/2009 và Vũ Hoàng Mai P, sinh ngày 30/12/2014.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N, anh Đ đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết

[5]. Về lệ phí: Chị N, anh Đ xác nhận mỗi người nộp 150.000 đồng theo Biên lai số AA/2016/0000761 ngày 10/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Chị N, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết về lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị Nvà anh Vũ Hữu Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Tăng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Vũ Thị H, sinh ngày 02/11/2009 và Vũ Hoàng Mai P, sinh ngày 30/12/2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tăng Thị N và anh Vũ Hữu Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Tăng Thị N và anh Vũ Hữu Đ đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Tăng Thị N và anh Vũ Hữu Đ mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm lăm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà mỗi người đã nộp 150.000 đồng theo biên lai số

AA/2016/0000761 ngày 10/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị N, anh Đ đã thi hành xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSNDTP B;
- UBND xã T, TP. B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Hải Hường